

Số: 67 /KH-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 17 tháng 5 năm 2019

KẾ HOẠCH

Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2019-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 6847/QĐ-BYT ngày 13/11/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2019-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, với những cố gắng của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và sự hưởng ứng tích cực của người dân, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã đạt được những kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Y tế dự phòng được tăng cường, đã ngăn chặn các bệnh dịch nguy hiểm, không để xảy ra dịch lớn. Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe như môi trường, thực phẩm, rèn luyện thân thể, đời sống tinh thần... được quan tâm hơn. Việt Nam đã đạt được tiến bộ lớn trong tăng trưởng độ bao phủ cấp nước và vệ sinh môi trường.

Để giải quyết vấn đề vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, cải thiện sức khỏe người dân, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19/6/2012 về việc lấy ngày 02/7 hàng năm là Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 về việc tổ chức triển khai phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Ngày 8/4/2014 Chính phủ Việt Nam đã ký tuyên bố cam kết với Liên hiệp quốc về Vệ sinh và Nước sạch cho mọi người, chấm dứt tình trạng phóng uế bừa bãi vào năm 2025.

Công tác truyền thông cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch luôn được xác định là một giải pháp quan trọng cần thực hiện. Tuy nhiên, sự vào cuộc của các cấp chính quyền, ban ngành đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tại địa phương trong công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự quyết liệt; nhận thức, thực hành của người dân về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch còn rất khác nhau giữa các

nhóm đối tượng; những điều kiện để phục vụ công tác truyền thông còn bị thiếu hoặc hạn chế; kinh phí cấp cho công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn còn thiếu so với nhu cầu.

Để góp phần đạt được các chỉ tiêu của Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới vào năm 2020, mục tiêu phát triển bền vững số 6 và cam kết của Chính phủ Việt Nam với Liên hiệp quốc, cần thiết xây dựng và triển khai Kế hoạch “Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn tỉnh BR-VT đoạn 2019 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

II. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

- Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày 02 tháng 7 hàng năm là Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 1624/QĐ-BYT ngày 06/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 6847/QĐ-BYT ngày 13/11/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2019 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1 Thực trạng công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch

Tại Việt Nam, trong những năm vừa qua, việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã mang lại hiệu quả đáng kể, góp phần cải thiện đời sống của người dân. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) đã tăng lên gấp 24,2% trong vòng 10 năm (2006: 59,1% và 2017: 83,3%). Đến hết năm 2016, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu HVS trong toàn quốc khoảng 83,3%, trong đó tỷ lệ hộ gia đình thành thị có nhà tiêu hợp vệ sinh 96,2%, và tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu HVS đạt 77% (*Theo Niên giám thống kê năm 2017-Tổng cục thống kê*).

Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh tăng hơn 8% từ năm 2011 đến năm 2015. Đến đầu năm 2017, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn của cả nước được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85,7%, trong đó chỉ có 49% được sử dụng nước sạch theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế (*Theo Báo cáo của bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2017*).

Về cấp nước và vệ sinh đối với trường học (Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở) và trạm y tế: Đến nay có khoảng 93% trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS được quản lý và sử dụng tốt. Đến cuối năm 2015 tỷ lệ các trường học có nguồn nước sạch và nhà tiêu HVS là 78,6%, vẫn còn nhiều trường học, nhà trẻ, mẫu giáo thiếu nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh (*Theo Báo cáo Chương trình Mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường năm 2016*).

Việc thực hiện hành vi rửa tay với xà phòng của người dân vào các thời điểm quan trọng như trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh còn thấp và chưa duy trì được thành thói quen thường xuyên. Tỷ lệ rửa tay với xà phòng của người dân trước khi ăn là 54%, rửa tay với xà phòng sau khi đi đại tiện là 63,8% và rửa tay với xà phòng sau khi đi tiểu tiện là 11,8% (*Theo Điều tra tổng kết Dự án “Nâng cao sức khỏe cộng đồng thông qua việc cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường” do Quỹ Unilever Việt Nam tài trợ giai đoạn năm 2007-2011 tại 70 xã của 34 huyện thuộc 11 tỉnh*).

Theo thống kê năm 2016, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nông thôn mới đạt khoảng 40 - 55%. Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 85,5%, lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I đạt khoảng 90% (*Bài viết trên Tạp chí Môi trường-Tổng cục môi trường, số 10/2018*).

Tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, môi trường sống ở một số nơi đang bị ô nhiễm trầm trọng bởi các chất thải trong sinh hoạt, trong sản xuất và phát triển kinh tế như ô nhiễm môi trường ở khu công nghiệp, làng nghề, bãi rác, chợ, ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp, do chất thải chăn

nuôi, chất thải của con người... Ô nhiễm đã tác động trực tiếp sức khỏe của mỗi người dân. Những nguyên nhân đó có yếu tố khách quan của quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, sự gia tăng dân số, song có yếu tố chủ quan rất quan trọng là ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường của người dân còn hạn chế. Nhiều hành vi vệ sinh cá nhân có lợi cho sức khỏe chưa được thực hiện thường xuyên.

Theo số liệu báo cáo của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2018, hiện nay trên địa bàn tỉnh, có tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt 87,2%; tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,54%, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 97,8%, tỷ lệ hộ gia đình xử lý rác đúng quy định đạt 94%; tỷ lệ hộ gia đình xử lý phân gia súc hợp vệ sinh đạt 88,94%, trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%; 100% trường học có bồn rửa tay, xà phòng và nước sạch rửa tay; 100% các cơ sở y tế thực hiện thu gom và xử lý chất thải y tế đạt theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTN của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Và theo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì kết thúc năm 2015 tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8%.

Tuy nhiên vẫn còn nhiều công trình công cộng như chợ, khu vui chơi giải trí,... không có nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh, vấn đề vệ sinh môi trường, xử lý phân-nước-rác chưa được giải quyết tốt; vẫn còn một bộ phận hộ gia đình chưa được sử dụng nước sạch; hành vi rửa tay bằng xà phòng của cộng đồng chưa thành thói quen; nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm còn cao.

2.2 Thực trạng công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn

Công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn đã được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội quan tâm triển khai tại địa phương.

Công tác xây dựng kế hoạch truyền thông đã chú trọng tới thực hiện các nội dung về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn; Công tác truyền thông được triển khai đa dạng dưới nhiều hình thức, phương pháp khác nhau như:

- Truyền thông trực tiếp bằng cách tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân thực hiện các hành vi vệ sinh cá nhân, giữ gìn vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch thông qua đội ngũ cộng tác viên tại tuyến cơ sở.

- Truyền thông gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (loa đài, truyền hình, báo); các hoạt động cộng đồng như mít tinh hưởng ứng Ngày vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân 02/7, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng 15/10 và các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Ngày Nhà tiêu Thế giới 19/11, Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường...; cung cấp thông tin cho người dân thông qua các tài liệu truyền thông như Pano, áp phích, tờ rơi, băng rôn, băng đĩa hình...

Nội dung truyền thông đa dạng, phong phú, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ tiếp cận với các chủ đề về rửa tay với xà phòng, giữ gìn vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh...

2.3 Những hạn chế trong công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn

Công tác chỉ đạo, phối hợp: Các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương, các Sở, ban ngành, đoàn thể mặc dù có nhận thức về tầm quan trọng của công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn nhưng một số nơi chưa coi đây là nhiệm vụ ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Công tác phối hợp liên ngành trong công tác truyền thông chưa thực sự hiệu quả.

Về nguồn lực: Nguồn lực từ ngân sách địa phương cho việc triển khai công tác truyền thông vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn còn hạn chế; Việc huy động sự hỗ trợ để cải thiện điều kiện vệ sinh chưa đáp ứng được so với nhu cầu; Đội ngũ thực hiện công tác truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường còn mỏng và chưa được tập huấn chuyên môn về nội dung này.

Phương pháp truyền thông: Các phương pháp truyền thông triển khai đến từng đối tượng chủ yếu là truyền thông thay đổi nhận thức, truyền thông thay đổi hành vi còn hạn chế.

Kiến thức, nhận thức, thực hành về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn: Còn tồn tại khoảng cách rất lớn từ kiến thức tới thực hành, đặc biệt ở các nhóm đối tượng là người nghèo và người dân ở vùng nông thôn. Rửa tay với xà phòng chưa thành thói quen. Thực hành vệ sinh tại hộ gia đình về xử lý rác còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ dân trí tại các khu vực này còn hạn chế, nhiều thói quen lạc hậu còn tồn tại, thiếu thốn về kinh tế và sự ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường triển khai có hiệu quả các hoạt động thông tin, truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn góp phần củng cố, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban ngành, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn nhằm phòng chống dịch, bệnh và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2025

2.1 Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban ngành, địa phương và đoàn thể trong việc thực hiện công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Chỉ tiêu cụ thể:

- 100% lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban ngành, địa phương và đoàn thể được tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 100% các huyện/TX/TP xây dựng kế hoạch triển khai hoặc đưa nội dung truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước

sạch nông thôn vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bố trí kinh phí thực hiện;

- 100% các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đưa nội dung truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn vào kế hoạch hoạt động hàng năm, trung hạn và dài hạn.

2.2 Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức và năng lực truyền thông của cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Chỉ tiêu cụ thể:

- 100% các cán bộ y tế và cán bộ các sở, ban ngành, đoàn thể có liên quan tại tất cả các cấp được tập huấn về phương pháp và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 70% cơ quan báo chí và cán bộ làm công tác thông tin cơ sở được cập nhật kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 100% nhân viên y tế thôn ấp được tập huấn về phương pháp và kỹ năng truyền thông và được cung cấp tài liệu truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- 70% cộng tác viên truyền thông từ các ban ngành, đoàn thể được tập huấn về phương pháp truyền thông và được cung cấp tài liệu truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

2.3 Mục tiêu 3: Nâng cao nhận thức và thực hành của người dân nông thôn về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

Chỉ tiêu cụ thể:

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- Xây dựng và phổ biến các loại tài liệu truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trên các kênh truyền thông cho các đối tượng khác nhau;

- 100% huyện/TX/TP triển khai mô hình truyền thông về vệ sinh dựa vào cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- 100% trạm y tế xã, trường học tổ chức truyền thông và có góc truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

Đến năm 2030, phấn đấu các chỉ tiêu đã đặt ra trong giai đoạn năm 2019-2025 đạt 100%; Đảm bảo công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn được duy trì bền vững.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thực hiện

Triển khai trên địa bàn tỉnh BR-VT. Ưu tiên triển khai ở khu vực nông thôn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

2. Đối tượng

- Đối tượng truyền thông vận động và huy động: Lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, Lãnh đạo các sở, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan thông tin báo chí, các doanh nghiệp, nhà tài trợ;

- Đối tượng truyền thông thay đổi hành vi: Người dân (chú trọng đối tượng tại vùng nông thôn), bà mẹ nuôi con dưới 5 tuổi, cán bộ y tế cơ sở, học sinh tại các trường học;

- Đối tượng hưởng lợi: Mọi người dân, trong đó ưu tiên người nghèo và cận nghèo, dân tộc thiểu số, người có điều kiện sống khó khăn ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

3. Thời gian và địa bàn triển khai

3.1 Giai đoạn 2019 – 2025: Triển khai Kế hoạch tại địa phương.

3.2 Giai đoạn 2025 – 2030: Tổng kết đánh giá, điều chỉnh các Kế hoạch truyền thông, các mô hình truyền thông cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, phát huy kết quả của giai đoạn trước nhằm đạt 100% các chỉ tiêu của Kế hoạch.

V. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá thực trạng công tác truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trên địa bàn.

2. Xây dựng kế hoạch truyền thông tại địa phương; lồng ghép các hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn vào các chương trình, dự án có liên quan như Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, dinh dưỡng, phòng chống dịch và các phong trào của các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội.

3. Xây dựng chính sách và cơ chế phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan thông tin báo chí.

4. Xây dựng, phát triển các tài liệu và thông điệp truyền thông gắn với hoạt động truyền thông tổng thể của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và phù hợp với đối tượng truyền thông từng khu vực.

5. Tổ chức, phối hợp với các Ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội triển khai các hoạt động truyền thông vận động chính sách, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thực hành của người dân nông thôn về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

6. Thực hiện các mô hình và tổ chức đánh giá, triển khai áp dụng các sáng kiến, mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng.

7. Huy động nguồn lực, hợp tác quốc tế và xã hội hóa cho công tác truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chính sách

a) Triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật đối với công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Quyết định số 730/QĐ-TTg ngày 19/6/2012 về việc lấy ngày 02 tháng 7 hàng năm là Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 về việc tổ chức triển khai phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

- Rà soát, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các chính sách, quy định về công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn;

- Đề xuất bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân nông thôn tham gia triển khai công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn trong khuôn khổ pháp luật cho phép;

b) Vận động, đề xuất đưa các chỉ tiêu về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

c) Rà soát, kiện toàn mạng lưới cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn; Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

2. Giải pháp về phối hợp liên ngành

- Thực hiện ký cam kết phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể và các cơ quan có liên quan để tổ chức: chỉ đạo, triển khai lồng ghép các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn trong các hoạt động của các đơn vị;

- Xây dựng các cơ chế phối hợp giữa các Sở, ban ngành, tổ chức chính trị xã hội, các địa phương để tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn;

- Sử dụng mạng lưới truyền thông từ tỉnh đến cơ sở để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương chính sách, các hướng dẫn, khuyến cáo về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn.

3. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

- Xây dựng các mô hình, tài liệu hướng dẫn, đào tạo, huấn luyện thực hành và các tài liệu phổ biến kỹ năng truyền thông; Đa dạng hoá các tài liệu truyền thông phù hợp bối cảnh văn hoá, phong tục, tập quán, lối sống và của từng khu vực, địa bàn;

- Nội dung tài liệu truyền thông đảm bảo đáp ứng các yếu tố đại chúng; Ưu tiên các nội dung rửa tay với xà phòng để phòng bệnh, tầm quan trọng của việc xây dựng, bảo quản và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh tại các hộ gia đình, trường học và trạm y tế; vệ sinh môi trường nông thôn, xử lý rác; sử dụng các nguồn nước hợp vệ sinh tại các hộ gia đình, trường học và trạm y tế;

- Các thông điệp và tài liệu truyền thông đa dạng, phong phú, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ sử dụng, tập trung ưu tiên các tài liệu tuyên truyền trực tiếp tại

cộng đồng như: Pa nô, áp phích, tờ rơi, tranh lật, tranh minh họa, các tiểu phẩm, hài kịch;

- Tăng cường chất lượng hệ thống thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt tại cơ sở. Mở các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng về tầm quan trọng của công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn; Chú trọng truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ công tác viên tuyến cơ sở hoặc cá nhân, tổ chức có uy tín tại cộng đồng; Tuyên truyền lồng ghép thông qua các cuộc họp, mít tinh, tập huấn; Tổ chức hoạt động truyền thông hưởng ứng các sự kiện về vệ sinh, ngày hội vệ sinh (Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân (02/7); Ngày thế giới rửa tay với xà phòng (15/10); Ngày nhà tiêu thế giới (19/11); Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường...);

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động.

4. Giải pháp về tài chính

- Bố trí kinh phí sự nghiệp trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ để triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn;

- Thực hiện lồng ghép truyền thông của các chương trình mục tiêu (phòng chống dịch, bệnh, dinh dưỡng), các dự án, các nhiệm vụ, phong trào có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn để thực hiện các hoạt động.

- Huy động các nguồn vốn viện trợ ODA, viện trợ chính phủ nước ngoài, viện trợ của các tổ chức phi chính phủ và các nguồn xã hội hóa để thực hiện kế hoạch.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế và xã hội hóa

- Chủ động tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường trong nước, khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu sản xuất tài liệu, mô hình và đào tạo phục vụ công tác truyền thông để nhanh chóng tiếp cận các tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến;

- Tăng cường hợp tác quốc tế để triển khai các chương trình, dự án, các phong trào và sáng kiến về truyền thông tại Việt Nam và tại BR-VT; hợp tác hiệu quả với các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và cung cấp thông tin về truyền thông vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn;

- Tăng cường công tác xã hội hóa, mời gọi các tổ chức, doanh nghiệp giúp đỡ đầu tư cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, rửa tay với xà phòng, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường phòng chống dịch.

VII. KINH PHÍ

- Kinh phí lồng ghép trong việc triển khai các chương trình, đề án, dự án có liên quan của các Sở, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội; các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của Trung ương và địa phương.

- Nguồn kinh phí huy động từ các tổ chức quốc tế và trong nước, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách của tỉnh hàng năm để triển khai kế hoạch truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện/TX/TP tổ chức thực hiện Kế hoạch truyền thông theo lĩnh vực được phân công đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

- Chỉ đạo hệ thống y tế các cấp tăng cường hoạt động tham mưu cho chính quyền địa phương chỉ đạo triển khai kế hoạch và là lực lượng nòng cốt tổ chức thực hiện hoạt động tại địa phương.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích tốt.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch “Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2019 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030” về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh hoạt động hệ thống cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn, đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nước tại các hồ cung cấp nước phục vụ sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực; duy trì, phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi hữu cơ, sinh thái; triển khai thực hiện đề án di dời, giải tỏa các cơ sở trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường; khuyến cáo nông dân không sử dụng phân tươi để chăm bón cây trồng, nuôi thủy sản. Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường và UBND các địa phương đẩy mạnh hoạt động thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng. Tiếp tục đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với đảm bảo vệ sinh lao động, môi trường nông thôn. Lồng ghép có hiệu quả với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; các chương trình, dự án về nước sạch, vệ sinh môi trường, trong đó có nội dung về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Có kế hoạch tuyên truyền, phát động thực hiện rộng khắp trong nhân dân nhằm thay đổi tập quán, ý thức của người dân trong việc thu gom, không vứt rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường, bảo vệ chất lượng các hồ chứa nước sinh hoạt.

4. Sở Xây dựng:

Đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân tại các đô thị đủ số lượng và đảm bảo chất lượng. Giải quyết tốt vấn đề quy hoạch và xử lý nước thải.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Nghiên cứu, bổ sung nội dung giảng dạy về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn phù hợp với từng cấp học. Đẩy mạnh việc giảng dạy kiến thức và tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh cho học sinh trong nhà trường để tạo thói quen thực hành các hành vi vệ sinh có lợi cho sức khỏe, góp phần xây dựng cộng đồng có nếp sống hợp vệ sinh, văn minh. Hình thành, xây dựng và phát triển phong trào học sinh, sinh viên tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh và nâng cao sức khỏe trong trường học và tại cộng đồng. Đảm bảo công tác vệ sinh và sử dụng nước sạch trong trường học.

6. Sở Văn hóa và Thể thao:

Phối hợp với các ngành có liên quan, rà soát, điều chỉnh, bổ sung tiêu chí về vệ sinh vào tiêu chuẩn bình xét và công nhận các danh hiệu văn hóa trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn, phát huy nét đẹp văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, tập quán mất vệ sinh không có lợi cho sức khỏe trong cộng đồng dân cư.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Sở Y tế tổ chức cập nhật kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn đến các cơ quan báo chí và cán bộ làm công tác thông tin cơ sở. Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, các hoạt động thông tin cơ sở, hệ thống phát thanh xã, phường đẩy mạnh tuyên truyền vận động để mọi người dân trong tỉnh tích cực tham gia các hoạt động của kế hoạch.

8. Sở Tài chính:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Chịu trách nhiệm toàn diện về chỉ đạo, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn, cụ thể:

- Xây dựng Kế hoạch truyền thông phù hợp điều kiện thực tế tại địa phương và tích cực triển khai thực hiện góp phần đạt được các mục tiêu chung của toàn tỉnh.

- Triển khai tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về phương pháp và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn cho cán bộ các ban ngành, đoàn thể có liên quan tại địa phương.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm khơi dậy ý thức, trách nhiệm của toàn thể quần chúng nhân dân tham gia giải quyết tốt các vấn đề vệ sinh liên

quan tới sức khỏe như vệ sinh để phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm; vận động người dân thay đổi thói quen, tập quán vệ sinh lạc hậu, thực hiện các hành vi vệ sinh có lợi cho sức khỏe. Thực hiện “ăn sạch, uống sạch, ở sạch”; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, không phóng uế bừa bãi; xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và dời chuồng gia súc ra xa nhà; sử dụng nước sạch. Phần đầu đạt và vượt các chỉ tiêu có liên quan tới vệ sinh và nâng cao sức khỏe của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án... đang triển khai trên địa bàn.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông tại địa phương thực hiện tốt việc tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn thể người dân về vệ sinh nâng cao sức khỏe, đảm bảo kế hoạch được thực hiện một cách sâu rộng và bền vững. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là những người tiên phong, gương mẫu đi đầu trong việc hưởng ứng và thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch.

- Chỉ đạo việc lựa chọn và quyết định lấy một ngày nhất định trong tháng để huy động toàn thể nhân dân tham gia các hoạt động tổng vệ sinh đường làng, ngõ, xóm, cơ quan, trường học, công sở, tạo những thói quen và nếp sống vệ sinh, văn minh trong nhân dân.

- Tăng cường đầu tư, huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch trên cơ sở đầu tư của Nhà nước, đồng thời thực hiện tốt việc xã hội hóa huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, tập thể, cá nhân và các hộ gia đình để thực hiện.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, phải tiến hành kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đưa ra những bài học, những mô hình, sáng kiến hay để nhân ra diện rộng. Phát động hưởng ứng thi đua thực hiện các hoạt động của kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các phong trào thi đua khác của địa phương, đặc biệt là phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân; kịp thời khen thưởng, động viên những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận:

Chỉ đạo, triển khai các hoạt động truyền thông, lồng ghép các thông điệp truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn trong các hoạt động, phong trào tại các cấp (Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; mô hình “Xây dựng nhà tiêu cho người dân vùng sâu, vùng xa khó khăn”; mô hình “Làng xã Xanh – Sạch – Đẹp”; mô hình “Ngày Chủ nhật xanh”; mô hình “Tuyên truyền viên môi trường cấp xã”...). Vận động các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội tình nguyện cùng tham gia đóng góp thực hiện.

IX. HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

- Kế hoạch được xây dựng là cơ sở để các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Góp phần tăng cường nhận thức về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo các sở, ban ngành, địa phương và đoàn thể thực hiện công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Góp phần nâng cao nhận thức và năng lực truyền thông của cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn.

- Góp phần nâng cao nhận thức, cải thiện về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch của người dân sinh sống tại nông thôn, những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, nhóm đối tượng yếu thế như người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo công bằng trong công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Kế hoạch có ý nghĩa thực tiễn bởi thông qua dự phòng cấp một bằng giải pháp truyền thông sẽ tạo những thói quen cho người dân về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch đem lại hiệu quả phòng chống dịch, bệnh không chỉ của từng cá nhân mỗi người mà với cả cộng đồng dân cư. Thực hiện có hiệu quả truyền thông thay đổi hành vi để mọi người dân, mọi cộng đồng quan tâm thực hiện tốt và duy trì bền vững các hành vi có lợi cho sức khỏe chính là giải pháp hiệu quả nhất và rẻ tiền của công tác vệ sinh phòng chống dịch, bệnh.

Trên đây là Kế hoạch “Truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2019-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”. Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Sở Y tế có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện; định kỳ 6 tháng, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- TTr.TU; TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT-VX3 ↻

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** ✓



Trần Văn Tuấn